

PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP GẮN VỚI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

ThS. Nguyễn Thị Minh Tân

Công nghiệp có vị trí vô cùng quan trọng trong cơ cấu kinh tế của hầu hết các quốc gia. Nước ta thực hiện công cuộc CNH, HĐH từ một nền kinh tế nông nghiệp thì công nghiệp càng được coi là ngành kinh tế chủ đạo và có vai trò quyết định đến tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế.

Tuy nhiên, cái giá phải trả cho tăng trưởng công nghiệp không hề nhỏ. Đó là nguồn tài nguyên không tái tạo dần bị cạn kiệt, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, hệ sinh thái tự nhiên bị suy thoái và đa dạng sinh học bị suy giảm. Bài viết trình bày thực trạng phát triển công nghiệp ở nước ta thời gian qua

và những giải pháp khắc phục tình trạng trên nhằm thúc đẩy kinh tế phát triển nhanh và bền vững.

1. Thực trạng phát triển công nghiệp trong thời gian qua

- Về giá trị sản xuất công nghiệp

Trong những năm qua, nền kinh tế gặp nhiều khó

khăn, nhưng ngành công nghiệp vẫn luôn tăng trưởng và giữ tỷ trọng lớn trong cơ cấu

Bảng 1: Giá trị công nghiệp/GDP thời kỳ 2005 – 2011

Năm	GTCN (tỷ đồng)	GTCN/GDP (%)	Năm	GTCN (tỷ đồng)	GTCN/GDP (%)
2005	290.948	34,67	2009	557.068	33,59
2006	340.193	34,92	2010	674.903	34,07
2007	394.711	34,51	2011	857.788	33,82
2008	495.912	33,39	Ước 2012	1.020.058	34,57

Nguồn: Thời báo Kinh tế Việt Nam, *Kinh tế 2012-2013: Việt Nam và thế giới*, tr.77

(*) Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh

Bảng 2: Chỉ số phát triển công nghiệp theo giá so sánh 1994 phân theo thành phần kinh tế, 2005-2011 (năm trước = 100%, giá so sánh năm 1994)

Thành phần kinh tế \ Năm	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011
Chỉ số phát triển chung của ngành	117,1	116,8	116,7	113,9	108,5	115,7	113,5
+ Kinh tế nhà nước	107,2	105,7	105,0	102,5	104,5	113,4	110,9
- Trung ương	112,4	109,0	108,9	104,8	107,5	116,1	113,4
- Địa phương	94,8	96,2	97,1	94,5	93,0	101,0	98,5
+ Kinh tế ngoài nhà nước	125,5	125,7	125,7	119,8	110,2	115,4	113,2
- Tập thể	106,7	109,2	106,5	109,3	93,0	108,5	112,2
- Tư nhân	131,4	132,0	131,7	122,2	110,1	117,4	114,5
- Cá thể	115,6	113,4	114,4	113,7	111,2	109,7	109,1
+ Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	121,2	119,9	119,7	116,9	109,4	117,2	115,1

Nguồn: Tổng cục Thống kê, Niên giám Thống kê 2005, 2010, 2011

GDP. Số liệu *Bảng 1* cho thấy, giá trị sản xuất công nghiệp luôn tăng: năm 2005 đạt 290.948 tỷ đồng, đến năm 2012 ước đạt 1.020.058 tỷ đồng, tăng 3,51 lần. Tỷ trọng giá trị công nghiệp/GDP luôn dao động

trong khoảng từ 33,4% đến 34,9%.

Số liệu *Bảng 2* cho thấy, chỉ số phát triển công nghiệp thuộc khu vực nhà nước ở nước ta thấp nhất, khu vực kinh tế ngoài nhà nước đạt cao nhất trong các năm 2005 - 2007,

Bảng 3: Cơ cấu vốn đầu tư phát triển theo ngành kinh tế (2005 - 2011)

Đơn vị tính: %

Ngành kinh tế \ Năm	2005	2007	2008	2009	2010	2011
Tổng số	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	7,5	6,7	7,1	6,9	6,9	6,6
Công nghiệp - Xây dựng	42,9	43,4	41,7	42,6	43,6	44,1
Khai khoáng	7,9	7,2	7,1	6,9	6,6	6,4
Công nghiệp chế biến, chế tạo	17,9	19,6	17,9	19,8	21,1	21,9
Sản xuất điện và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	10,8	10,4	10,5	9,9	9,6	9,3
Cung cấp nước hoạt động quản lý và xử lý rác thải	2,6	2,6	2,6	2,6	2,6	2,6
Xây dựng	3,7	3,7	3,6	3,4	3,8	3,9
Dịch vụ	49,7	49,9	51,2	50,6	49,5	49,3

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Thống kê

khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đứng thứ hai trong các năm 2005 - 2007.

- Về đầu tư phát triển sản xuất

Công nghiệp được coi là ngành kinh tế chủ đạo trong hệ thống nền kinh tế quốc dân và có vai trò quyết định đến tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế. Do đó, Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm đến lĩnh vực này. Số vốn đầu tư phát triển sản xuất của ngành công nghiệp cũng ngày một gia tăng và chiếm tỷ trọng lớn trong tổng đầu tư cho nền kinh tế.

- Phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và khu kinh tế

Tính đến tháng 09/2012, cả nước có 283 khu công nghiệp (KCN) được thành lập với tổng diện tích đất tự nhiên là khoảng 80.100 ha, trong đó diện tích đất công nghiệp có thể cho thuê đạt gần 52.100 ha (chiếm khoảng 65% tổng diện tích đất tự nhiên); 178 KCN đã đi vào hoạt động với tổng diện tích đất tự nhiên trên 47.300 ha và 105 KCN đang trong giai đoạn đền bù, giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ bản với tổng diện tích đất tự nhiên 32.800 ha⁽¹⁾.

Về thu hút FDI vào các KCN: Lũy kế đến hết tháng 09/2012, các KCN trong cả nước đã thu hút 4.323 dự án FDI với tổng vốn đăng ký 64,817 tỷ USD, tổng vốn thực hiện là 32,700 tỷ USD (bằng 51% tổng vốn đăng ký).

Về thu hút đầu tư trong nước: lũy kế đến hết tháng 09/2012, các KCN cả nước thu hút 4.847 dự án đầu tư trong nước, với tổng vốn đăng ký 442.385 tỷ đồng, tổng vốn đầu tư thực hiện là 228.100 tỷ đồng, bằng hơn 50% tổng vốn đăng ký. Tính lũy kế, các khu kinh tế cả nước thu hút được 144 dự án FDI với tổng vốn đăng ký là 38,4 tỷ USD và

583 dự án đầu tư trong nước, với tổng vốn đăng ký là 411,3 tỷ đồng⁽²⁾.

Các KCN, khu kinh tế đã giải quyết việc làm cho 2 triệu lao động trực tiếp và hàng chục triệu lao động gián tiếp, tạo kim ngạch xuất khẩu đạt gần 20% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước.

- Về giải quyết việc làm cho người lao động

Cùng với sự gia tăng các KCN và sự ra đời của nhiều ngành nghề mới, số lượng lao động làm việc trong ngành công nghiệp thời gian qua tăng nhanh, năm 2005 có 5.287,7 nghìn người, tăng lên 7.251,7 nghìn người vào năm 2011, góp phần giải quyết việc làm và tạo thu nhập cho số lượng lao động đáng kể, đặc biệt là lao động ở khu vực nông thôn.

2. Tác động của phát triển công nghiệp đến môi trường ở nước ta thời gian qua

- Tác động tích cực

+ *Bảo vệ, cải thiện môi trường không khí*
bằng việc áp dụng công nghệ sạch trong sản xuất công nghiệp, qua việc xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn, giảm năng lượng tiêu thụ, tái tạo nguồn năng lượng mới. Nhiều doanh nghiệp đã đầu tư công nghệ thân thiện với môi trường, có thể sản xuất ra những thiết bị kiểm soát không khí, phòng ngừa sự ô nhiễm không khí hay giảm thiểu mức độ ô nhiễm môi trường không khí, nhằm bảo vệ môi trường. Điển hình là Công ty TNHH một thành viên Xi măng Vicem Hoàng Thạch thuộc Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam - Vicem đã thực hiện nhiều giải pháp tiết kiệm điện năng, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật hợp lý hóa sản xuất mang lại giá trị không nhỏ cho công ty, chẳng hạn: sáng kiến thu hồi khí thải ở lò cao Hoàng Thạch 2 để sấy than cho dây chuyền Hoàng Thạch 1, tiết kiệm được khoảng 250 lít dầu/giờ, tương đương 10 tỷ đồng/năm; áp dụng đề tài đốt chất thải nguy hại trong lò nung clinker, mỗi năm, xử lý khoảng 40 tấn chất thải nguy

(1) và (2) <http://khucongnghiep.com.vn/tinhoatdong>, *Tình hình hoạt động của các KCN, KKT 9 tháng đầu năm 2012*, ngày 06/11/2012

hại, bảo đảm các yêu cầu về môi trường, tiết kiệm khoảng 300 triệu đồng/năm⁽¹⁾.

Ngoài ra, việc áp dụng công nghệ mới còn để tái tạo năng lượng mới thay thế năng lượng cũ, nhằm ngăn chặn, hạn chế sự ô nhiễm không khí. Chẳng hạn, việc sản xuất ra nhiên liệu sinh học được hình thành từ chất thải công nghiệp (sản phẩm gỗ thải)... có tính chất thân thiện với môi trường, sinh ra ít hàm lượng khí gây hiệu ứng nhà kính, ít ô nhiễm.

+ Bảo vệ, cải thiện môi trường nước

Với việc ứng dụng những công nghệ tiên tiến trong việc xử lý chất thải công nghiệp, đảm bảo đúng tiêu chuẩn, các doanh nghiệp đã từng bước khắc phục, giảm thiểu sự ô nhiễm, bảo vệ môi trường nước. Khi công nghiệp phát triển, nguồn gốc phát sinh nước thải gia tăng, chủ yếu từ công nghiệp chế biến thực phẩm, dệt nhuộm, giấy... Trên cơ sở những công nghệ hiện đại, nhiều doanh nghiệp đã tiến hành xử lý chất thải, ngăn chặn ô nhiễm môi trường nước đạt hiệu quả cao, như Công ty cổ phần Bia Hà Nội - Hồng Hà, nhờ việc ứng dụng công nghệ mới trong "sản xuất sạch hơn" đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải và tuần hoàn nước. Với ứng dụng này, mỗi năm có 54 nghìn m³ nước thải được xử lý, trong đó có 13,5 nghìn m³ nước được tuần hoàn. Đối với Công ty cổ phần Bia Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân, nhờ ứng dụng giải pháp tuần hoàn nước làm mát đã giảm tiêu thụ 330 nghìn m³ nước/năm, tương đương với giảm 330 nghìn m³ nước thải tuần hoàn, đồng thời giải pháp trang bị máy rửa chai tự động đã giảm 3.300 m³ nước thải/năm. Với hệ thống xử lý hóa chất thu hồi bột giấy và tuần hoàn nước thải xeo, Công ty cổ phần sản xuất, thương mại giấy Phong Châu đã giảm tiêu thụ nước, tương đương

giảm nước thải 210 nghìn m³/năm.

Như vậy, với những phương pháp sản xuất mới và ứng dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất khiến nhiều doanh nghiệp ngành công nghiệp có thể tiết kiệm được nước, hoặc hạn chế nguồn nước thải ô nhiễm môi trường; đồng thời, có thể xử lý hiệu quả nguồn nước thải, góp phần hạn chế và khắc phục sự ô nhiễm môi trường nước.

+ Ngăn chặn, hạn chế nguồn phát thải gây ô nhiễm đất

Ứng dụng công nghệ hiện đại trong sản xuất công nghiệp đã cho phép xử lý trực tiếp những chất thải gây ô nhiễm cho đất, xử lý trực tiếp những chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh từ các nhà máy sản xuất hóa chất, sản xuất linh kiện điện tử...

Thiêu hủy chất rắn được coi là một phương pháp để khắc phục sự ô nhiễm. Trên cơ sở ứng dụng công nghệ cao, các doanh nghiệp có thể xây dựng những lò đốt rác có nhiệt độ cao, đốt được chất thải rắn thông thường và cả chất thải rắn có khả năng gây nguy hại, mà không gây ô nhiễm môi trường.

- Tác động tiêu cực

Phát triển công nghiệp đã có những tác động tích cực đến việc cải thiện môi trường sinh thái. Tuy nhiên, sự phát triển công nghiệp cũng gây ra **những tác động tiêu cực đến môi trường** như:

+ Khai thác cạn kiệt các nguồn tài nguyên thiên nhiên

Nguồn tài nguyên thiên nhiên là hữu hạn, với sự gia tăng dân số như hiện nay, để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của con người và xã hội, quá trình sản xuất công nghiệp cần sử dụng nhiều nguồn tài nguyên thiên nhiên. Nếu năm 2005, mới chỉ khai thác 10.535,40 nghìn tấn quặng các loại, 34.093 nghìn tấn than sạch, 18.519 nghìn tấn dầu thô, 6.440 triệu m³ khí tự nhiên thì đến năm 2011, con số tương ứng là: 51.050,90 nghìn tấn, 45.824 nghìn tấn, 15.180 nghìn tấn và

⁽¹⁾ <http://sxsh.vn>, Vicem Hoàng Thạch đẩy mạnh tiết kiệm năng lượng trong sản xuất

8.480 triệu m³(1). Với mức độ khai thác như vậy, khả năng phục hồi môi trường sẽ rất khó, dẫn đến môi trường bị suy thoái, cạn kiệt, không những đình trệ sự phát triển kinh tế - xã hội của thể hệ hiện tại mà còn ảnh hưởng đến nhu cầu của thế hệ tương lai.

+ Ô nhiễm môi trường không khí và tiếng ồn

Hiện nay, hầu hết các thành phố và KCN lớn ở nước ta đều chịu ảnh hưởng khá nhiều các khí thải độc hại. Riêng ở Hà Nội, trung bình mỗi năm phải tiếp nhận tới 9 nghìn tấn khí SO₂, 19 nghìn tấn khí NO₂, 46 nghìn tấn khí CO₂. Tổng lượng thải khí SO₂ ở các khu đô thị hiện nay do hoạt động công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp gây ra là chính (chiếm tới 95%).

Đối với các làng nghề, không khí cũng bị ô nhiễm quá nặng. Theo Trung tâm Quan trắc môi trường thuộc Tổng cục Môi trường, năm 2010, khảo sát tại 40 xã ở Hà Nội cho thấy, khoảng 60% số xã bị ô nhiễm nặng từ các hoạt động sản xuất. Ở các làng nghề tái chế kim loại, khí độc không qua xử lý được thải trực tiếp vào không khí như ở làng nghề tái chế chì Đông Mai (Hưng Yên), nồng độ chì vượt quá 2.600 lần tiêu chuẩn cho phép(2).

Thêm vào đó, các cơ sở sản xuất công nghiệp ở nước ta phần lớn sử dụng công nghệ lạc hậu, do vậy cùng với các chất thải độc hại thì tiếng ồn gây ra trong quá trình hoạt động cũng vượt quá tiêu chuẩn cho phép. Đặc biệt, các loại hình sản xuất công

nghiệp thuộc các ngành cơ khí, sửa chữa, rèn, dệt vải... thường có độ ồn đạt trên 80dB.

+ Ô nhiễm môi trường đất

Các hoạt động sản xuất, khai thác mỏ, nước thải từ các khu công nghiệp không qua xử lý xả thẳng ra môi trường, theo kênh, mương ngấm vào đất và làm thay đổi hàm lượng các chất hóa học trong đất, tiềm tàng nguy cơ gia tăng ô nhiễm. Kết quả của một số khảo sát cho thấy, tại các KCN, khu đô thị lớn và các vùng lân cận, độ chua của đất (pH_{H₂O} và pH_{KCl}) đều thấp và hàm lượng một số kim loại nặng tương đối cao. Tại cụm công nghiệp Phước Long, hàm lượng Cr cao gấp 15 lần so với tiêu chuẩn, Cd cao từ 1,5 đến 5 lần, As cao hơn tiêu chuẩn 1,3 lần(3).

+ Ô nhiễm môi trường nước

Hiện nay, tình trạng nhiều KCN, nhà máy, cơ sở sản xuất... xả nước thải chưa qua xử lý xuống hệ thống sông, hồ đã gây ô nhiễm nguồn nước trên diện rộng, đặc biệt ở khu vực hệ thống sông Cầu, sông Nhuệ - Đáy và sông Đồng Nai - Sài Gòn.

Ở lưu vực sông Nhuệ - Đáy có 200 cơ sở sản xuất lớn trực tiếp xả nước thải vào lòng sông, khiến 2 con sông này đang "chết" dần từng ngày. Bên cạnh đó, cùng với lượng nước thải công nghiệp, làng nghề chưa qua xử lý của cả 6 tỉnh, trung bình mỗi ngày 2 con sông này phải tiếp nhận khoảng 800 nghìn m³ nước thải(4).

Theo thống kê của cơ quan chuyên môn, lưu vực sông Cầu bị ô nhiễm nặng bởi trên 2 nghìn doanh nghiệp sản xuất hóa chất, luyện kim, chế biến thực phẩm, xây dựng... thuộc 6 tỉnh, thành (Thái Nguyên, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Bắc Giang, Hải Dương, Hà Nội). Riêng Thái Nguyên có tổng lượng nước thải hơn 16 nghìn m³/ngày. KCN gang thép Thái Nguyên mỗi năm có hơn 1,3 triệu m³ nước thải đổ ra sông Cầu. Nước thải phát sinh trong quá trình sản xuất gang thép chứa nhiều chất ô nhiễm độc hại, như dầu mỡ, mỡ, phenol, xianua...(5).

(1) *Niên giám Thống kê 2011*, Nxb Thống kê, HN, 2012, tr.463

(2) và (3) Phạm Thị Thu Giang, *Bảo vệ môi trường với phát triển kinh tế bền vững ở Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ kinh tế, Học viện CT-HCQG Hồ Chí Minh, 2011, tr.58-61 và 74

(4) <http://vietbao.vn>, *Sông Nhuệ - Đáy đang "chết" dần vì nước thải*

(5) <http://www.diendautu.vn>, *Giải pháp đồng bộ để bảo vệ môi trường khu công nghiệp*

Nguyên nhân dẫn đến những tác động tiêu cực do phát triển công nghiệp:

Một là, hiệu lực thi hành của hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường còn thấp và chưa hoàn thiện.

Hai là, do tốc độ phát triển đô thị, phát triển công nghiệp nhanh, nhưng đầu tư cho cơ sở hạ tầng và hệ thống kiểm soát, xử lý ô nhiễm không tương xứng cùng với sự bất cập của chính sách quy hoạch và kế hoạch phát triển các KCN và phát triển công nghiệp.

Ba là, thiếu cơ chế quản lý, chế tài xử lý vi phạm và tổ chức thực hiện dự án chống ô nhiễm môi trường.

Bốn là, Nhà nước chưa có sự hỗ trợ đúng mức về thông tin cũng như các dịch vụ liên quan đến công nghệ xử lý môi trường, hệ thống quản lý chất lượng môi trường, công nghệ môi trường chưa phát triển. Quy chuẩn để đánh giá công nghệ môi trường còn nhiều bất cập. Nhà nước chưa có chính sách hợp lý trong đầu tư khoa học - công nghệ đối với xử lý và chống ô nhiễm.

Năm là, nhận thức về trách nhiệm bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp còn hạn chế, nhiều doanh nghiệp chưa coi trọng mục tiêu bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất - kinh doanh.

3. Một số giải pháp nhằm phát triển công nghiệp gắn với bảo vệ môi trường

Một là, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về môi trường

Trong những năm gần đây, vấn đề môi trường và bảo vệ môi trường được Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm, nhưng trên thực tế vẫn chưa đạt được kết quả như mong muốn, môi trường chưa được cải thiện, hiệu quả quản lý đối với môi trường còn thấp. Để khắc phục tình trạng trên, cần: Nhanh chóng hoàn thiện pháp luật về bảo vệ môi trường; Quy hoạch các KCN, cụm công nghiệp, làng nghề theo hướng xây dựng các điểm sản xuất tập trung; Di dời những cơ sở

sản xuất gây ô nhiễm môi trường ra xa khu dân cư; Chỉ cấp phép các KCN, khu chế xuất đầu tư dự án khi đã hoàn thành xây dựng cơ sở hạ tầng xử lý chất thải; Định kỳ và thường xuyên kiểm tra, thanh tra, xử lý nghiêm và triệt để các trường hợp vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

Hai là, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng thân thiện với môi trường, tiếp cận mô hình "tăng trưởng xanh"

Với Việt Nam, chuyển đổi mô hình tăng trưởng cần có sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng: (1) Phát triển các ngành dựa vào lợi thế so sánh, lợi thế nguồn lực và lợi thế cạnh tranh... hướng thân thiện với môi trường, hạn chế các ngành gây ô nhiễm; (2) Ứng dụng các công nghệ giảm tiêu thụ năng lượng cũng như sử dụng tài nguyên thiên nhiên, đầu tư phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ; (3) Đẩy mạnh chuyển giao công nghệ môi trường, đầu tư phát triển một số ngành kinh tế xanh mũi nhọn, như công nghiệp tái chế, năng lượng sinh học, tái sinh rừng tự nhiên.

Ba là, nâng cao nhận thức về trách nhiệm bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp

Để thay đổi nhận thức, thái độ, hành vi của nhiều doanh nghiệp trong bảo vệ môi trường, cần: (1) Tổ chức các lớp đào tạo, nâng cao nhận thức về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp đối với môi trường; (2) Phát triển mạng lưới các tổ chức, trung tâm bồi dưỡng, tư vấn về công nghệ sạch và sản xuất sạch hơn để hỗ trợ doanh nghiệp; (3) Tổ chức tuyên truyền, tuyên dương và khen thưởng những doanh nghiệp thực hiện tốt các quy định về bảo vệ môi trường; (4) Khuyến khích và hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng và thực hiện các chính sách bảo vệ môi trường; (5) Thể chế hóa các quy định về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp đối với bảo vệ môi trường. □